

Số: /QĐ-SNNMT

Cà Mau, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT):
“Gói thầu số 03: Xây dựng Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)”
thuộc Dự án xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 0547/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, Dự án Xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ);

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-SNNMT ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Dự án xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 36/BCTĐ-HSMT ngày 26/9/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Nam Thịnh về việc thẩm định hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT): “Gói thầu số 03: Xây dựng Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)”, thuộc Dự án xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ);

Xét đề nghị của Chi cục Quản lý đất đai tại Tờ trình số 33/TTr-QLĐĐ ngày 26/9/2025 về việc phê duyệt kết quả chỉ định nhà thầu thực hiện: “Gói thầu số 01: Lập

hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu” thuộc Dự án xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT), với nội dung chính như sau:

1. Tên gói thầu: “Gói thầu số 03: Xây dựng Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)”.
2. Giá gói thầu theo kế hoạch đấu thầu: 2.060.381.000 đồng.
3. Giá gói thầu theo dự toán được duyệt: 2.060.381.000 đồng.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
5. Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Gia Hân.
6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
8. Thời gian có hiệu lực của E-HSMT: 120 ngày.
9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày.
10. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
11. Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế năm 2025.
12. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT: Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trước khi phát hành E-HSMT, bên mời thầu và đơn vị tư vấn lập E-HSMT phải điều chỉnh tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT theo tiêu chuẩn được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, đơn vị tư vấn lập E-HSMT, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các PGĐ Sở (biết);
- Văn phòng Sở;
- Phòng KHTC;
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thanh Dũng

Phụ lục
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSMT

Gói thầu số 03: Xây dựng Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 thuộc Dự án xây dựng Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau (khu vực tỉnh Bạc Liêu cũ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà

thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10		
1.1	<p><i>Là nhà thầu chính đã thực hiện và hoàn thành các gói thầu có tính chất tương tự trong 3 năm gần đây (tính từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu).</i></p> <p>* Gói thầu hoặc quyết định đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ có tính chất tương tự là hợp đồng về xây dựng bảng giá đất, điều chỉnh bảng giá đất, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn cấp tỉnh.</p> <p>* Thời điểm xác định hợp đồng hoặc quyết định đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành.</p> <p>* Hợp đồng tương tự là Hợp đồng xây dựng bảng giá đất, điều chỉnh bảng giá đất, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định, quy trình của Luật Đất đai.</p> <p>* Nhà thầu chứng minh kinh nghiệm bằng bản scan từ bản chính hoặc bản chụp được chứng thực hoặc công chứng Hợp đồng hoặc quyết định đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ và các tài liệu liên quan khác đảm bảo chứng minh tính chất tương tự của gói thầu (nếu có) kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác tư vấn và Hóa đơn tài chính.</p> <p><i>Trường hợp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</i></p>	10	<p>+ ≥ 03 hợp đồng (100% số điểm): 10 điểm;</p> <p>+ 02 hợp đồng (70% điểm): 7 điểm;</p> <p>+ 01 hợp đồng (50% điểm): 5 điểm;</p> <p>+ 0 hợp đồng (0% điểm): (0 điểm).</p>	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu¹ (5% tổng số điểm)	5		
2.1	Nhà thầu có bản cam kết đầy đủ các nội dung sau: Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng	5	- Có cam kết uy tín nhà thầu: (100% điểm): 5 điểm;	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu liên danh: từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu trên.		- Không có cam kết uy tín nhà thầu: 0 điểm.	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	35		24,5
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu: *Nhà thầu có thuyết minh mô tả mục tiêu (mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể), đối tượng và phạm vi thực hiện, nội dung và khối lượng thực hiện, thời gian, sản phẩm giao nộp của nhà thầu phù hợp với nội dung nêu trong điều khoản tham chiếu.	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu thể hiện đã hiểu rõ, đầy đủ từng nội dung nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu” (100% điểm): 5 điểm. - Nhà thầu thể hiện đã hiểu rõ, đầy đủ từng nội dung nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu” nhưng còn thiếu một vài điểm không quan trọng (70% điểm): 3,5 điểm. - Nhà thầu thể hiện đã hiểu rõ nhưng còn chưa đầy đủ từng nội dung nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu” (50% điểm): 2,5 điểm. Nhà thầu thể hiện chưa hiểu rõ nội dung trong phần nhiệm vụ trong “Điều khoản tham chiếu” (0% điểm): 0 điểm. 	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận *Nhà thầu có đề xuất giải pháp và quy trình thực hiện công việc tư vấn hợp lý,	12	- Nhà thầu trình bày giải pháp và quy trình thực hiện công việc tư vấn	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	khả thi, theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với nội dung nêu trong Điều khoản tham chiếu		<p>hợp lý, khả thi, theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu của E-HSMT (100% điểm): 12 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu trình bày giải pháp và quy trình thực hiện công việc tư vấn hợp lý, khả thi, theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu của E-HSMT nhưng còn thiếu một vài điểm không quan trọng, giải pháp và quy trình thực hiện (70% điểm): 8,4 điểm. - Nhà thầu trình bày giải pháp và quy trình thực hiện công việc tư vấn hợp lý, khả thi, theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu của E-HSMT nhưng còn hơi sơ sài (50% điểm): 6,0 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu trên (0% điểm): 0 điểm. 	
3.3	<p>Sáng kiến cải tiến</p> <p>* Nhà thầu có giải pháp mang lại hiệu quả cho gói thầu: rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu; áp dụng phương pháp mô hình có độ chính xác hơn yêu cầu của E-HSMT</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Có sáng kiến, đề xuất kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ mang lại hiệu quả cao nhằm triển khai thực hiện gói thầu tốt hơn tương đương (100% điểm): 3 điểm - Có sáng kiến, đề xuất kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ mang lại hiệu quả cao nhằm triển khai thực 	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<p>hiện gói thầu nhưng còn chung chung và hiệu quả chưa cao tương đương (70% điểm): 2,1 điểm</p> <p>- Không có sáng kiến, đề xuất kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm triển khai thực hiện gói thầu tốt hơn tương đương (0% điểm): 0 điểm.</p>	
3.4	Cách trình bày hồ sơ dự thầu	3	<p>- Trình bày rõ ràng, khoa học, logic, dễ theo dõi, đúng mẫu quy định và phù hợp với trình tự, quy trình thực hiện nội dung công việc của gói thầu và có mục lục đính kèm (100% điểm): 3 điểm.</p> <p>- Trình bày tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học, chưa logic, hơi khó theo dõi và chưa phù hợp với trình tự, quy trình thực hiện nội dung công việc của gói thầu (70% điểm): 2,1 điểm.</p> <p>- Trình bày không hợp lý, không rõ ràng, không khoa học, không logic, không đúng mẫu quy định và không phù hợp với trình tự, quy trình thực hiện nội dung công việc của gói thầu (0% điểm): 0 điểm.</p>	
3.5	Kế hoạch triển khai Nhà thầu có kế hoạch triển khai chi tiết (thể hiện đầy đủ nội dung công việc),	7	- Có kế hoạch triển khai chi tiết, thực hiện các nội dung công việc	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>thực hiện các nội dung công việc khoa học, phù hợp với nhân sự đề xuất và khối lượng công việc (các công việc sắp xếp khoa học theo trật tự thời gian, không gian; thời gian thực hiện phải đảm bảo khả thi, tương xứng giữa số lượng nhân sự và khối lượng công việc, một nhân sự không thực hiện đồng thời 2 công việc cùng một thời điểm).</p>		<p>khoa học, phù hợp với nhân sự đề xuất và khối lượng công việc thực hiện (100% điểm): 7 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung công việc khoa học, phù hợp với nhân sự đề xuất và khối lượng công việc thực hiện nhưng chưa chi tiết đến từng nhiệm vụ (70% điểm): 4,9 điểm. - Không có kế hoạch triển khai hoặc có kế hoạch triển khai nhưng các nội dung công việc không phù hợp với mục tiêu thực hiện (0% điểm): 0 điểm. 	
3.6	<p>Bố trí nhân sự Nhà thầu có bố trí đầy đủ nhân sự theo yêu cầu của E-HSMT và có bảng bố trí nhóm nhân sự, phân công công việc rõ ràng, thể hiện được nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể của từng nhóm nhân sự tương đương.</p>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân sự được bố trí đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT và có bảng bố trí nhóm nhân sự, phân công công việc rõ ràng, thể hiện được nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể của từng nhóm nhân sự tương đương (100% điểm): 5 điểm. - Nhân sự được bố trí đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT và có bảng bố trí nhóm nhân sự, nhưng không phân công công việc rõ ràng, thể hiện được nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể của từng nhóm nhân sự tương đương (70% 	

STT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
				điểm): 3,5 điểm. - Không đáp ứng các yêu cầu trên tương đương (0% điểm): 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		50		35
	Vị trí	Số lượng			
4.1	Chủ nhiệm dự án (tư vấn trưởng)	01	20		
4.1.1	<p>- Có trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành về quản lý đất đai, địa chính, bất động sản, thẩm định giá, kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng.</p> <p>- Có Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá đất được cấp theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp không có Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá đất (<i>còn hiệu lực</i>) được cấp theo Quy định của Pháp luật thì nhà thầu phải chứng minh điều kiện hành nghề định giá viên theo Quy định tại: Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 71/2024/NĐ-CP; điểm a Khoản 16 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP; Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 226/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2024/TT-BTNMT và được sửa đổi tại Điểm a Khoản 6 Điều 10 Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025.</p> <p><i>(Kèm bản scan từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực: Văn bằng, chứng chỉ/thẻ, Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển biên chế hoặc quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, hoặc hợp đồng thuê chuyên gia Hoặc các tài liệu chứng minh khả năng huy động đối với nhân sự đi thuê).</i></p>		6	<p>- Có trình độ thạc sỹ Quản lý đất đai trở lên, tương đương (100% điểm): 6 điểm.</p> <p>- Có trình độ đại học tương đương (70% điểm): 4,2 điểm.</p> <p>- Có trình độ cao đẳng trở xuống tương đương (0% điểm): 0 điểm.</p>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1.2	Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính từ thời điểm chuyên gia bắt đầu làm việc trong lĩnh vực chuyên môn về xây dựng bảng giá, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất hoặc định giá đất) (<i>Cung cấp hợp đồng tư vấn và Quyết định phân công nhiệm vụ cho các dự án đã thực hiện</i>)	4	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm tương đương (100% điểm): 4 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 04 năm tương đương (70% điểm): 2,8 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm tương đương (50% điểm): 2 điểm. Số năm kinh nghiệm < 3 năm tương đương (0% điểm): 0 điểm. 	
4.1.3	<p>Về kinh nghiệm: Đã làm chủ nhiệm hoặc tư vấn trưởng các hợp đồng tương tự về xây dựng bảng giá đất, điều chỉnh bảng giá đất, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn cấp tỉnh.</p> <p>Nhà thầu cung cấp bản scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu chứng minh sau: Hợp đồng thực hiện dự án tương tự; biên bản nghiệm thu hoàn thành; Hóa đơn; Phụ lục nhân sự kèm theo Hợp đồng hoặc xác nhận nhân sự của Chủ đầu tư thể hiện vai trò của nhân sự trong gói thầu/Hợp đồng.</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 03 hợp đồng/ dự án/ đề án trở lên (100% điểm): 10 điểm. - Có 02 hợp đồng/ dự án/ đề án (70% điểm): 7,0 điểm. - Có 01 hợp đồng/ dự án/ đề án (50% điểm): 5,0 điểm. - Không có hợp đồng/ dự án/ đề án (0% điểm): 0 điểm. 	
4.2	Định giá viên	07	27	
4.2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành về Quản lý đất đai, địa chính, bất động sản, thẩm định giá, kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng. - Có chứng chỉ định giá đất hoặc Thẻ thẩm định viên về giá còn hiệu lực. - Trường hợp không có Thẻ thẩm định viên về giá hoặc Chứng chỉ định giá đất (<i>còn hiệu lực</i>) được cấp theo quy định của pháp luật thì nhà thầu phải chứng minh điều kiện hành nghề định giá viên theo Quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 71/2024/NĐ-CP; điểm a Khoản 16 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP; Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 	10	<ul style="list-style-type: none"> - Có 07 Chuyên gia trong đó ≥ 02 chuyên gia trình độ từ thạc sĩ trở lên (100% điểm): 10 điểm. - 7 Chuyên gia có trình độ đại học (70% điểm): 7 điểm - Chuyên gia có trình độ cao đẳng (50% điểm): 05 điểm. 	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>226/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2024/TT-BTNMT và được sửa đổi tại Điểm a Khoản 6 Điều 10 Thông tư 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025.</p> <p><i>(Nhà thầu nộp cùng E-HSDT file scan một trong các tài liệu: Văn bằng, Chứng chỉ định giá đất/Thẻ thẩm định viên, Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyên biên chế hoặc quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, hoặc hợp đồng thuê chuyên gia hoặc các tài liệu chứng minh khả năng huy động đối với nhân sự đi thuê).</i></p>		<ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng yêu cầu (0% điểm): 0 điểm. 	
4.2.2	<p>Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn (tính từ thời điểm chuyên gia bắt đầu làm việc trong lĩnh vực chuyên môn về Xây dựng bảng giá đất hoặc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất hoặc định giá đất <i>(Cung cấp hợp đồng tư vấn và Quyết định phân công nhiệm vụ cho các dự án đã thực hiện)</i></p>	7	<ul style="list-style-type: none"> - Số năm kinh nghiệm ≥ 06 năm tương đương (100% điểm): 7 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm tương đương (70% điểm): 4,9 điểm. - Số năm kinh nghiệm ≥ 04 năm tương đương (50% điểm): 3,5 điểm. - Số năm kinh nghiệm < 4 năm tương đương (0% điểm): 0 điểm. 	
4.2.3	<p>Về kinh nghiệm: Đã tham gia thực hiện các hợp đồng tương tự về Xây dựng bảng giá đất hoặc điều chỉnh bảng giá đất hoặc bổ sung bảng giá đất trên địa bàn cấp tỉnh.</p> <p><i>Nhà thầu cung cấp bản scan bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu chứng minh sau: Hợp đồng thực hiện dự án tương tự; biên bản nghiệm thu hoàn thành; Hóa đơn; Phụ lục nhân sự kèm theo Hợp đồng hoặc xác nhận nhân sự của Chủ đầu tư thể hiện vai trò của nhân sự trong gói thầu/Hợp đồng.</i></p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 03 hợp đồng/dự án/đề án trở lên (100% điểm): 10 điểm. - Có 02 hợp đồng/dự án/đề án (70% điểm): 7 điểm. - Có 01 hợp đồng/dự án/đề án (50% điểm): 5 điểm. - Không có hợp đồng/dự án/đề án (0% điểm): 0 điểm. 	
4.3	Chuyên gia khác	05	03	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.3.1	Tốt nghiệp các chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kinh tế; Bản đồ viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và chuyên ngành có liên quan.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Có 05 chuyên gia chuyên ngành (Kinh tế; Công nghệ thông tin, Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý và chuyên ngành có liên quan) Mỗi chuyên ngành \geq 01 người, trình độ sau Đại học (100% điểm): 2 điểm. - Có 05 chuyên gia chuyên ngành có liên quan tốt nghiệp Đại học (50% điểm): 1 điểm. - Không đáp ứng yêu cầu tương đương: 0 điểm 	
4.3.2	Kinh nghiệm của chuyên gia (tính tròn theo tháng kể từ khi cấp bằng đại học trở lên và bảng lý lịch chuyên gia tư vấn)	01	<ul style="list-style-type: none"> - 05 Chuyên gia có kinh nghiệm > 05 năm (100% điểm): 1 điểm. - 05 Chuyên gia có kinh nghiệm \leq 5 năm (50% điểm): 0,5 điểm - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	
5	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)			
5.1	Không yêu cầu			
	Tổng cộng (100%)	100		70

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá ¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét.

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 20%.

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất